

ĐỂ KINH TẾ TƯ NHÂN TRỞ THÀNH MỘT ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG CỦA NỀN KINH TẾ

PHÙNG QUỐC HIỀN*

Quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng giai đoạn 2016 - 2020 khó có thể chỉ dựa vào các nguồn lực tài chính công trong điều kiện ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn trong cân đối và nợ công cao. Do đó, việc huy động các nguồn lực xã hội, trong đó có khu vực kinh tế tư nhân, có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm tạo ra những động lực mới cho sự phát triển của nền kinh tế nước ta.

Một số vấn đề cơ bản về kinh tế tư nhân hiện nay

Thực tế cho thấy, việc thu hút đầu tư tư nhân vào sản xuất, kinh doanh, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục hiện nay còn gặp nhiều khó khăn do cả những nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan. Đó cũng chính là căn cứ thực tiễn để ban hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết xác định phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh, hiệu quả, bền vững, thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 cũng đã xác định các mục tiêu cụ thể, trong đó “chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả

kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân. Phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp; đến năm 2025 có hơn 1,5 triệu doanh nghiệp và đến năm 2030 có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp”. Khu vực kinh tế tư nhân có thể hiểu bao gồm các hoạt động kinh tế ngoài khu vực công, đó là doanh nghiệp tư nhân (DNTN), doanh nghiệp (DN) có vốn đầu tư nước ngoài, hộ kinh doanh cá thể, nhưng ở đây không kể sự phát triển của DNTN trong nước và hướng tới mục tiêu có 1 triệu DN hoạt động vào năm 2020. Và theo thống kê, trong các giai đoạn vừa qua chỉ có khoảng 55% - 60% số DN đăng ký và hoạt động, số còn lại có đăng ký nhưng không hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả. Như vậy, muốn có 1 triệu DN hoạt động thì phải có ít nhất 1,7 triệu hoặc 1,8 triệu DN đăng ký, đó là một mục tiêu hết sức khó khăn. Nếu tính từ năm 2000 (năm Luật Doanh nghiệp có hiệu lực) đến năm 2015, số lượng DNTN tăng bình quân 18,9%/năm trong xu hướng chậm lại, trong khi ở giai đoạn 2000 - 2005

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội

là 22,2%; giai đoạn 2005 - 2010 là 21,2% và giai đoạn 2010 - 2015 là 9,6%. Về cơ cấu, số lượng DNTN chiếm 96,7% vào năm 2015. Đây là giai đoạn DN phát triển nhanh cả về quy mô và tốc độ tăng trưởng, quyết định chủ yếu đến xu hướng tăng trưởng tích cực của toàn bộ nền kinh tế.

Số liệu thống kê cho thấy, trong năm 2017, tổng số DN thành lập mới và số DN quay trở lại hoạt động của cả nước là 153.307, trong đó có 126.859 DN thành lập mới đạt kỷ lục cao nhất từ trước đến nay và 26.448 đơn vị quay trở lại hoạt động. Tổng số vốn đăng ký vào nền kinh tế trong năm qua hơn 3,16 triệu tỷ đồng, bao gồm số vốn đăng ký của DN thành lập mới gần 1,3 triệu tỷ đồng và số vốn đăng ký tăng thêm của các DN khác là 1,86 triệu tỷ đồng. Theo Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trong hai tháng đầu năm 2018, có 18.703 DN mới thành lập với số vốn đăng ký là 197.333 tỷ đồng, tăng 29,4% về số DN và tăng 29,3% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017. Như vậy, tính trung bình mỗi ngày có 300 DN mới ra đời, nhưng đó mới chỉ là con số thống kê thuần túy, điều quan trọng hơn là chất lượng và hiệu quả hoạt động của DNTN. Nếu không có những biện pháp quyết liệt thì DNTN khó có thể trở thành động lực cùng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tạo ra một giai đoạn khởi sắc mới về sức gia tăng sản xuất của nền kinh tế.

Thực tế vừa qua cho thấy, các DNTN có những bước phát triển hết sức tích cực, nhưng cũng đã bộc lộ nhiều nhược điểm, đầu tiên là việc lựa chọn cơ hội khởi nghiệp. Nhiều DN chưa xuất phát từ lợi thế so sánh của địa phương, lợi thế về địa lý, lợi thế của DN, muốn phát triển nóng, có hiệu quả nhanh mà không tạo được nền tảng cho phát triển bền vững, nên thực tế trong 5 năm qua số DNTN bị phá sản rất nhiều.

Một vấn đề nữa là, trình độ tổ chức sản xuất, kinh doanh của đa phần DNTN ở mức

rất thấp. Rất nhiều DN khi ở mức độ thấp, quy mô nhỏ thì quản lý được nhưng khi mở rộng sản xuất với quy mô lớn hơn, kinh doanh đa ngành, đa nghề kiểu tập đoàn đã đi đến đổ vỡ. Lý do là trình độ, năng lực, kỹ năng tổ chức, quản trị doanh nghiệp kém, tùy tiện theo kiểu gia đình mà không dựa trên nền tảng quản trị tiên tiến, hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, không dựa trên các quy định của pháp luật mà có xu hướng “chạy giật”, chạy theo thị hiếu, hiệu ứng đám đông và thậm chí dựa vào quan chức, nhóm lợi ích trong cơ chế “xin - cho” để phát triển. Kể đó là các DNTN còn thiếu tính liên kết, hợp tác, cạnh tranh không lành mạnh, chưa kể đến một bộ phận làm ăn phi pháp, không minh bạch.

Chúng ta đã có một số DNTN lớn, nhưng chủ yếu vẫn dựa vào lợi thế về đất đai và vốn vay, chưa đi sâu vào phát triển công nghệ, chưa biết từng bước tiếp cận với cách mạng công nghiệp 4.0. Gần đây, một số DNTN đã chú ý hơn đến nghiên cứu, phát triển công nghệ trong các ngành điện, điện tử, in-tơ-nét, hóa dược, cơ khí chế tạo, nhựa - cao-su, công nghệ tài chính, ngân hàng... và đã có những thành công bước đầu, song với tổng số các DNTN thì tỷ lệ các doanh nghiệp này còn chưa cao.

Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp đại diện cho quyền lợi của DN chưa mạnh, chưa có tiếng nói, hành động thiết thực, nhiều tổ chức còn nghiêng về hoạt động hành chính, bề nổi, trong khi hỗ trợ DN chưa thật sự hiệu quả.

Đa phần các DNTN ít đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Do đó, việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật, áp dụng công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại còn yếu kém. Doanh nghiệp có thể nhỏ nhưng mạnh và hiệu quả trên nền tảng công nghệ tiên tiến khác với DN nhỏ, manh mún, sức cạnh tranh kém, dựa trên lợi thế về đất đai, tài nguyên, nhân công giá rẻ. Từ lâu bên cạnh các tập đoàn đa quốc gia còn có khái niệm công ty đa quốc gia là doanh nghiệp nhỏ và vừa,

nhưng tổ chức sản xuất và kinh doanh tại nhiều quốc gia khác nhau trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Nguyên nhân của những vấn đề trên và giải pháp khắc phục

Bên cạnh nguyên nhân trực tiếp là tự thân DN như đã nói ở trên thì nguyên nhân gián tiếp từ phía Nhà nước cũng có tác động đáng kể tới sự phát triển của DNTN. Đó chính là môi trường kinh doanh mà điểm cốt lõi là sự thiếu minh bạch. Tình trạng lợi dụng những quy định, hạn chế kinh doanh, quản lý “ăn chia” rất nghiêm trọng. Bên cạnh đó là chính sách thuế, tuy không cao nhưng chi phí truyền thống rất lớn. Những khoản chi phí hành chính lên đến 35% - 40%, gồm thuế phí và có nhiều nơi đến 50%. Do vậy, cải cách thủ tục hành chính và môi trường kinh doanh thuận lợi là điều rất cần thiết.

Một nguyên nhân nữa là chính sách của chúng ta chưa ổn định, thay đổi liên tục, trở thành khó lường và tạo nên rủi ro về thể chế. Và những chính sách đó nhiều khi thiên về ủng hộ DN lớn và DN có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), chưa thực sự quan tâm đầy đủ đến DNTN, DN nhỏ và vừa, hộ kinh doanh. Hệ thống quản lý chưa minh bạch.

Để tốc độ tăng trưởng của kinh tế tư nhân cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế, phân đầu tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đề đến năm 2020 đạt khoảng 50%, năm 2025 khoảng 55%, đến năm 2030 khoảng 60% - 65%”, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần phải tạo ra một sự bùng nổ trong cải cách thủ tục hành chính: công bố rõ ràng người dân được quyền kinh doanh những gì; được tự do đăng ký kinh doanh; thủ tục đăng ký chỉ một cửa và không cần phải phân biệt là có giấy phép mới được kinh doanh.

Thứ hai, cần áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý để việc kiểm tra phải theo tiêu chuẩn chung chứ không chỉ mang tính chất

chủ quan của người quản lý. Hạn chế kiểm tra trực tiếp và áp dụng công nghệ thông tin là một cách quản lý thông minh. Sử dụng kết quả kiểm tra có tính chất liên thông, công bố rõ ràng kết quả kiểm tra; khi phát hiện sai thì kịp thời xử lý nghiêm khắc.

Thứ ba, cần chính sách ổn định, đặc biệt là chính sách thuế phí và chính sách tín dụng. Tạo môi trường tiếp cận vốn vay nhưng theo phải theo thị trường. Có biện pháp thu hồi nợ xấu và hạn chế các DNTN vay tín dụng “đen”.

Thứ tư, hỗ trợ về thông tin và đào tạo. Giúp các DNTN có đầy đủ thông tin về nghề nghiệp kinh doanh và những thông tin liên quan đến lĩnh vực của họ. Tổ chức đào tạo cho doanh nhân cách quản lý. Hỗ trợ đào tạo công nhân có tay nghề trong môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp, trong các trường dạy nghề. Trong hệ thống giáo dục, học sinh học hết lớp 9 có thể chuyển sang học trung học chuyên nghiệp nghề để đi làm.

Thứ năm, khuyến khích chuyển giao công nghệ, khoa học - kỹ thuật và xây dựng mô hình liên kết theo chuỗi DN nhỏ và vừa với các DN lớn và tập đoàn.

Thứ sáu, là vấn đề thể chế. Quốc hội đã thông qua nhiều dự án luật trong lĩnh vực kinh tế, như Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Chuyển giao công nghệ... Chính phủ đã có nhiều cố gắng cải thiện môi trường sản xuất, môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia gắn với cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian khởi sự kinh doanh, cấp phép xây dựng, đổi mới đối thoại chính quyền - doanh nghiệp, tăng khả năng tiếp cận nguồn lực của DN, giảm chi phí cho DN,... Tới đây, để khuyến khích sản xuất, Nhà nước cần nghiên cứu cơ chế đặt hàng các DN trong nước sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ, thay thế cho việc mua của nước ngoài, nhất là các sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao và sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao, kể cả sản phẩm thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh. □